

Số: /BC - UBND

Bỉm Sơn, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

**Đánh giá kết quả thực hiện phát triển thủy lợi nhỏ,
thủy lợi nội đồng giai đoạn 2021-2025**

Thực hiện Công văn số 10688/SNNMT-TL ngày 29/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa về việc đánh giá kết quả thực hiện phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng giai đoạn 2021-2025. UBND phường Bỉm Sơn báo cáo kết quả như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 77/2018/NĐ-CP:

1. Kết quả ban hành văn bản triển khai thực hiện

a. Nghị quyết quy định mức hỗ trợ

- Thực hiện Nghị định số 77/2018/NĐ-CP của Chính phủ, trên địa bàn xã không ban hành nghị quyết quy định mức hỗ trợ riêng. Việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ được thực hiện thống nhất theo các nghị quyết, quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và của tỉnh.

- Các văn bản quy định mức hỗ trợ được cơ quan có thẩm quyền ban hành đầy đủ, kịp thời, tạo hành lang pháp lý để địa phương tổ chức triển khai thực hiện. Trên cơ sở các quy định của cấp trên, UBND phường đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền và triển khai đến các tổ dân phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện đúng quy định.

- Nhìn chung, việc triển khai thực hiện các nghị quyết quy định mức hỗ trợ trên địa bàn xã được thực hiện nghiêm túc, đúng đối tượng, đúng nội dung và đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Các chính sách hỗ trợ đã góp phần khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập cho người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn.

b. Chính sách hỗ trợ khác

Ngoài các chính sách hỗ trợ theo quy định của Trung ương và của tỉnh, trên địa bàn phường không ban hành hoặc áp dụng thêm các chính sách hỗ trợ đặc thù khác. Trong quá trình triển khai thực hiện, UBND phường tập trung tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận và thực hiện đầy đủ các chính sách hiện hành; đồng thời phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh, bảo đảm việc thực hiện chính sách được thống nhất, công khai, minh bạch và đúng quy định.

c. Văn bản hướng dẫn triển khai

- Căn cứ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh và của UBND xã đã ban hành các kế hoạch, thông báo và văn bản chỉ đạo để tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 77/2018/NĐ-CP trên địa bàn.

- Công tác tuyên truyền được thực hiện thông qua các cuộc họp, hội nghị, hệ thống truyền thanh cơ sở và lồng ghép trong các hoạt động của các tổ chức đoàn thể nhằm giúp cán bộ, đảng viên và Nhân dân nắm bắt đầy đủ các nội dung của chính sách.

- Bên cạnh đó, UBND phường đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận chuyên môn, thường xuyên theo dõi, đôn đốc và phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện, bảo đảm việc triển khai chính sách được kịp thời, đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

d. Thiết kế mẫu, điển hình

- UBND phường không ban hành thiết kế mẫu hoặc mô hình điển hình riêng để triển khai thực hiện Nghị định số 77/2018/NĐ-CP.

- Việc tổ chức thực hiện tại địa phương được căn cứ vào các mẫu biểu, thiết kế, quy trình kỹ thuật và hướng dẫn do các cơ quan có thẩm quyền ban hành. UBND phường chủ yếu thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong việc triển khai thực hiện, đồng thời kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện nhằm bảo đảm đúng quy định của pháp luật và đạt hiệu quả.

2. Đánh giá các chính sách hỗ trợ

a. Phạm vi áp dụng

Các chính sách hỗ trợ được triển khai rộng rãi trên địa bàn phường, đảm bảo đúng đối tượng, phạm vi theo quy định. Nội dung chính sách phù hợp với điều kiện sản xuất nông nghiệp, góp phần hỗ trợ người dân trong phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng công trình thủy lợi và ổn định đời sống.

b. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng chủ yếu là các hộ nông dân và hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn phường theo quy định. Việc xác định đối tượng cơ bản phù hợp với thực tế sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả trong tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ.

c. Nội dung chính sách

- Hỗ trợ công trình tích trữ nước: Việc triển khai tại phường còn hạn chế, chủ yếu mang tính nhỏ lẻ, chưa có nhiều mô hình quy mô lớn.

- Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: Đã được áp dụng nhưng ở mức độ hạn chế, chưa phổ biến rộng rãi trên địa bàn.

- Hỗ trợ san phẳng đồng ruộng: Do người dân tự tổ chức thực hiện, chưa có các chương trình hỗ trợ khác.

- Hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương: Chủ yếu do cấp trên đầu tư, phường tham gia phối hợp triển khai và giám sát thực hiện.

- Hỗ trợ trạm bơm điện: UBND phường phối hợp quản lý, vận hành; không trực tiếp thực hiện đầu tư xây dựng mới.

d. Nguồn vốn

Nguồn vốn thực hiện các chính sách hỗ trợ chủ yếu từ ngân sách nhà nước (cấp tỉnh). Ngoài ra, người dân trên địa bàn xã tham gia đóng góp ngày công lao động và một phần kinh phí nhỏ để hỗ trợ triển khai thực hiện các nội dung tại cơ sở

đ. Cơ chế hỗ trợ

Cơ chế hỗ trợ được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước. Nhìn chung, các thủ tục thực hiện còn tương đối phức tạp, gây khó khăn nhất định cho người dân trong quá trình tiếp cận và thụ hưởng chính sách, đặc biệt ở khâu lập hồ sơ và xác nhận đối tượng.

3. Đánh giá tính khả thi

Chính sách được đánh giá có tính khả thi trong thực tiễn, tuy nhiên quá trình triển khai tại phường còn gặp một số khó khăn, hạn chế. Việc người dân tiếp cận chính sách chưa nhiều, chủ yếu do công tác thông tin, tuyên truyền chưa thực sự sâu rộng và nguồn lực đối ứng của người dân còn hạn chế.

4. Khó khăn, vướng mắc

a. Khó khăn

- Nguồn vốn phục vụ triển khai thực hiện các chính sách còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu đầu tư tại địa phương.

- Thủ tục thực hiện hỗ trợ còn nhiều bước, gây khó khăn cho người dân trong quá trình lập hồ sơ và tiếp cận chính sách.

b. Nguyên nhân

- Điều kiện kinh tế của người dân còn nhiều khó khăn, hạn chế khả năng tiếp cận và tham gia các chính sách hỗ trợ.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách chưa được triển khai sâu rộng, chưa thường xuyên nên hiệu quả chưa cao.

5. Đánh giá chung và kiến nghị

- Chính sách đã góp phần cải thiện hệ thống thủy lợi nội đồng, nâng cao hiệu quả phục vụ sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

Kiến nghị:

- Đề nghị tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hỗ trợ để thuận tiện hơn trong quá trình triển khai thực hiện ở cơ sở.

- Xem xét điều chỉnh, tăng mức hỗ trợ cho phù hợp với điều kiện thực tế và chi phí đầu tư hiện nay.

- Tăng cường phân cấp cho chính quyền cấp phường trong tổ chức thực hiện, nhằm nâng cao tính chủ động và hiệu quả triển khai.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Công tác tổ chức thực hiện

- UBND phường đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện hằng năm theo chỉ đạo của cấp trên.

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phục vụ công tác sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch thường xuyên, kịp thời chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Kết quả thực hiện

a. Hạ tầng thủy lợi

- Hệ thống kênh mương trên địa bàn cơ bản đáp ứng nhu cầu tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Một số tuyến kênh mương đã được đầu tư kiên cố hóa, góp phần nâng cao hiệu quả dẫn nước và giảm thất thoát nước.

- Diện tích áp dụng kỹ thuật tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: 5 ha

b. Tổ chức thủy lợi cơ sở

- Việc quản lý, khai thác các công trình thủy lợi cơ sở chủ yếu do Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp đảm nhiệm.

- Trên 90% công trình thủy lợi nội đồng trên địa bàn được giao cho HTX dịch vụ nông nghiệp quản lý, khai thác.

- Đánh giá: Công tác tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi cơ sở nhìn chung hoạt động ở mức trung bình/khá, cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

c. Công tác đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho các Hợp tác xã DV nông nghiệp giao quản lý các công trình thủy lợi.

- Tổ chức 04 lớp tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật trong lĩnh vực thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Tổng số lượt người tham gia tập huấn: 320 người.

d. Tuyên truyền

- Công tác tuyên truyền được thực hiện dưới các hình thức như: tổ chức họp dân, hệ thống truyền thanh cơ sở và ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn.

- Tổng số lượt tuyên truyền (bao gồm phát thanh, lồng ghép...):

- Kết quả thông tin, tuyên truyền

Công tác thông tin, tuyên truyền về kế hoạch, chính sách phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được UBND phường quan tâm triển khai thực hiện bằng nhiều hình thức như: tổ chức họp dân, lồng ghép trong các cuộc sinh hoạt tổ dân phố; tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở; đồng thời ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn đến các tổ dân phố và các đơn vị liên quan.

- Nội dung tuyên truyền tập trung vào chủ trương, chính sách của Nhà nước về phát triển, nâng cấp, quản lý và khai thác hiệu quả hệ thống thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, góp phần phục vụ sản xuất nông nghiệp và nâng cao hiệu quả sử

dụng nước tưới.

- Tổng số hoạt động tuyên truyền đã thực hiện: 65 hoạt động/buổi.

3. Khó khăn, tồn tại

- Một số công trình thủy lợi đã xuống cấp, hư hỏng nhưng chưa được đầu tư sửa chữa, nâng cấp kịp thời.
- Năng lực tổ chức, quản lý và khai thác công trình thủy lợi của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành hệ thống thủy lợi cơ sở.

Nguyên nhân:

- Nguồn lực đầu tư còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi trên địa bàn.
- Thiếu cán bộ có chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác quản lý, khai thác và vận hành hệ thống thủy lợi ở cơ sở.

III. ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Nhu cầu

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, sửa chữa hệ thống kênh mương thủy lợi trên địa bàn nhằm bảo đảm phục vụ tốt nhu cầu tưới, tiêu trong sản xuất nông nghiệp.
- Cải tạo, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ đã xuống cấp, hư hỏng, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng công trình

2. Mục tiêu

- Tỷ lệ kiên cố hóa hệ thống kênh mương đạt 80%.
- Diện tích áp dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước dự kiến khoảng 5 ha.
- củng cố, kiện toàn tổ chức thủy lợi cơ sở, nâng cao năng lực quản lý, khai thác và vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn.

3. Nhiệm vụ, giải pháp

a. Cơ chế chính sách

Đề nghị cấp có thẩm quyền tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách theo hướng đơn giản hóa thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi, dễ tiếp cận cho địa phương và người dân trong quá trình triển khai thực hiện.

b. Về công trình

Ưu tiên đầu tư nâng cấp, sửa chữa hệ thống kênh mương nội đồng, bảo đảm phục vụ tốt nhu cầu tưới, tiêu cho sản xuất nông nghiệp; từng bước hoàn thiện, nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống thủy lợi trên địa bàn.

c. Về tổ chức quản lý, khai thác

Tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực tổ chức, quản lý và khai thác của Hợp tác xã nông nghiệp; tăng cường hiệu quả hoạt động trong quản lý, vận hành hệ thống thủy lợi cơ sở, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

4. Nhu cầu kinh phí: Tổng nhu cầu đề xuất kinh phí để thực hiện sửa chữa,

nâng cấp các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng giai đoạn 2026-2030 khoảng 80.000.000.000 đồng, từ nguồn vốn an toàn hồ đập hỗ trợ và ngân sách địa phương đối ứng phần còn lại.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Hỗ trợ tăng mức kinh phí đầu tư cho lĩnh vực thủy lợi, đặc biệt là thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

2. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và Hợp tác xã nông nghiệp trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

UBND phường Bím Sơn báo cáo sở Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục thủy lợi Thanh Hóa theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCTUBND phường (b/c);
- Các phòng, ban chuyên môn UBND phường;
- Các HTXDV nông nghiệp,
- Lưu: VT, KTHT&ĐT, (habx).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Xuân Việt

Biểu số 1: Kết quả áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và cấp, thoát nước phục vụ nuôi trồng thủy sản

TT	Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước						Nuôi trồng thủy sản		
	Cây Lúa			Cây trồng cạn			Tổng DTNTTS (ha)	DT NTTS tập trung được cấp, thoát nước chủ động (ha)	Tỷ lệ
	DT cần tưới theo quy hoạch (ha)	DT áp dụng phương thức canh tác tiên tiến (ha)	Tỷ lệ (%)	DT cần tưới theo quy hoạch (ha)	DT được tưới TT, TKN (ha)	Tỷ lệ (%)			
	5	0	0	5	5	100		Hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn chủ yếu là quy mô hộ gia đình, phân tán nhỏ lẻ, chưa hình thành vùng nuôi tập trung và chưa có hệ thống cấp, thoát nước riêng biệt.	

Biểu số 2 : Kết quả thực hiện Nghị định quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

[illegible]

Biểu số 3. Nguồn lực thực hiện phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước giai đoạn 2021-2025*ĐV tính: đồng*

TT	Năm	Tổng số	Trong đó											Ghi chú
			NSTW						NSDP	Chương trình, dự án khác	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	
			Tổng số	Vốn CT NTM	Vốn CT GNBV	Vốn CT DTTS	Vốn hỗ trợ SPDV CITL	Vốn hỗ trợ đất trồng lúa						
1	2021	4.250.000.000								4.250.000.000				
2	2022	9.000.000.000								9.000.000.000				
3	2023	16.856.000.000								19.856.000.000				
4	2024	10.883.000.000								16.883.000.000				
5	2025	4.866.000.000								4.866.000.000				
	Tổng	45.855								45.855.000.000				

Biểu số 4. Số lượng tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng

TT	Nội dung	HTX NN có làm DVTL	HTX chỉ làm dịch vụ thủy lợi	Tổ hợp tác	UBND xã			Liên hiệp HTX	Tổng cộng	Tổ chức TLCS hoạt động hiệu quả	Loại hình khác	Cá nhân	Ghi chú
					UBND xã trực tiếp quản lý	Ban Quản lý	Tổ/đội Thủy nông						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Số lượng tổ chức		3										
2	Số người		16										
3	Tỷ lệ người sử dụng nước là thành viên của TCTLCS (%)								90%				
2	Phương thức quản lý, khai thác		3							Hoạt động tương đồng hiệu quả			Các HTX nông nghiệp trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi nội đồng, thực hiện thu phí dịch vụ thủy lợi theo quy định. UBND phường thực hiện quản lý nhà nước, phối hợp kiểm tra, giám sát. Các tổ/đội thủy nông tại tổ dân phố trực tiếp vận hành, điều tiết nước phục vụ sản xuất.

Biểu số 5. Đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật/Quy chuẩn/Tiêu chuẩn/Định mức liên quan đến thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng thực hiện giai đoạn 2026-2030

TT	Tên văn bản	Nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc làm mới	Tên Điều, khoản, điểm	Ghi chú
I	Văn bản quy phạm pháp luật			
1	Luật			
2	Nghị định			
3	Thông tư			
II	Quy chuẩn quốc gia			
1				
2				
III	Tiêu chuẩn quốc gia			
1				
2				
IV	Định mức			
1				
2				

- Hiện nay, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng cơ bản phù hợp với điều kiện thực tiễn, UIBND xã không đề xuất sửa đổi, bổ sung thêm.

- Kính đề nghị: Đơn giản hóa thủ tục hỗ trợ; điều chỉnh, nâng mức hỗ trợ phù hợp với thực tế; tăng cường phân cấp, tạo điều kiện cho địa phương chủ động trong tổ chức thực hiện.